

MỤC LỤC

Nguyễn Quang Bình - Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam – Minh chứng sinh động luận điểm “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” của C.Mác	2
Nguyễn Thị Thanh Thủy, Đỗ Năng Thắng - Thu hút FDI vào Việt Nam - Cơ hội và thách thức.....	7
Bùi Thị Thanh Tâm, Hà Quang Trung, Đỗ Xuân Luận - Giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận nghèo đa chiều tại tỉnh Thái Nguyên.....	13
Nguyễn Quang Bình - Biện pháp quản lý hoạt động thu thuế kinh doanh trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay.....	19
Dương Thị Huyền Trang, Lê Thị Thanh Thương - Phân bổ quỹ thời gian giữa nữ giới và nam giới - Nghiên cứu trường hợp tại Thái Nguyên	24
Lương Tình, Đoàn Gia Dũng - Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng đổi mới công nghệ trong nông nghiệp của nông dân: Một cách nhìn tổng quan.....	29
Nguyễn Tiến Long, Nguyễn Chí Dũng - Vai trò của khu vực FDI với tăng năng suất lao động ở Việt Nam.....	34
Nguyễn Quang Hợp, Đỗ Thùy Ninh, Dương Mai Liên - Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	42
Ngô Thị Mỹ, Trần Văn Dũng - Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường ASEAN: Thực trạng và gợi ý chính sách.....	49
Dương Hoài An, Trần Thị Lan, Trần Việt Dũng, Nguyễn Đức Thu - Tác động của vốn đầu tư đến kết quả sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Việt Nam	54
Phạm Văn Hạnh, Đàm Văn Khanh - Ảnh hưởng của hành vi khách hàng đến việc kiểm soát cảm xúc của nhân viên – Ảnh hưởng tương tác của chuẩn mực xã hội	59
Nguyễn Thanh Minh, Nguyễn Văn Thông, Lê Văn Vĩnh - Quản lý dịch vụ chăm sóc khách hàng tại Viễn Thông Quảng Ninh.....	63
Đỗ Thị Hoàng Yến, Phạm Văn Hạnh - Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nhượng quyền thương mại tại Thái Nguyên	69
Nguyễn Thị Phương Hảo, Hoàng Thị Hồng Nhung, Trần Văn Dũng - Công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.....	74
Nguyễn Việt Dũng - Tác động của cấu trúc vốn đến rủi ro tài chính của doanh nghiệp xi măng niêm yết tại Việt Nam.....	82
Trần Thị Nhung - Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	88
Ngô Thị Hương Giang, Phạm Tuấn Anh - Chất lượng dịch vụ tín dụng đối với các hộ sản xuất của Agribank chi nhánh huyện Đồng Hỷ	94

THU HÚT FDI VÀO VIỆT NAM - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Thị Thanh Thủy¹, Đỗ Năng Thắng²

Tóm tắt

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) rất quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu, rộng; nhiều hiệp định thương mại và đầu tư thế hệ mới được Việt Nam tham gia ký kết: FTA với Hàn Quốc; Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản; FTA Việt Nam – Chile; Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA); mới nhất là hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),... Tuy nhiên, làm thế nào để thu hút FDI vào Việt Nam bền vững là một vấn đề đặt ra cần giải quyết. Trên cơ sở phân tích thực trạng FDI tại Việt Nam trong những năm gần đây, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn FDI vào Việt Nam trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), FTA, kinh tế Việt Nam, cơ hội, thách thức

ATTRACTING FDI INTO VIETNAM: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES

Abstract

Foreign direct investment (FDI) has played an important role in boosting Vietnam's economic growth. Vietnam has signed various international agreements and treaties related to global integration such as FTA with Korea, Vietnam – Japan Economic Partnership Agreement, Vietnam – Chile FTA, Comprehensive ASEAN Investment Agreement (ACIA), and the most recent Comprehensive Partnership and Trans-Pacific Partnership (CPTPP). However, attracting foreign direct investment has always been a great concern of Vietnam's economic affairs. This paper focused on some solutions to attract FDI into Vietnam which were based on the analysis of FDI attraction in Vietnam in the new context.

Keywords: Foreign direct investment (FDI), FTA, Vietnam economy, opportunity, challenge.

1. Giới thiệu

Thu hút FDI là một trong những vấn đề quan trọng của mỗi quốc gia bởi vai trò to lớn của nó đối với sự phát triển kinh tế đất nước. Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, nhu cầu về vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Nhận thức được tầm quan trọng của FDI, các quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam đã có những chính sách thực hiện tự do hóa đầu tư. Tự do hóa đầu tư là những biện pháp nhằm cắt giảm hay loại bỏ các rào cản có tính cản trở hoạt động đầu tư từ quốc gia này sang quốc gia khác để tạo nên một môi trường đầu tư có tính cạnh tranh và bình đẳng hơn, tạo sự thuận lợi, thông thoáng cho việc di chuyển các nguồn vốn đầu tư giữa các quốc gia.

Trong giai đoạn 2008-2017, sự tham gia của Việt Nam trong lĩnh vực tự do hóa đầu tư được thực hiện thông qua nhiều hiệp định thương mại và đầu tư thế hệ mới như: Các hiệp định FTA với Chile, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á - Âu; Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA);... Gần đây nhất là hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký chính thức vào ngày 08/03/2018. Các hiệp định thương mại tự do đã thúc đẩy Việt Nam mở rộng hợp tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới; giúp Việt Nam tăng cường mở rộng xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường lớn và thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực mà Việt Nam đang có nhu cầu

phát triển; gia tăng động lực và tốc độ phát triển kinh tế, cũng như thúc đẩy cải cách thể chế, môi trường đầu tư - kinh doanh thông thoáng, minh bạch. Tuy nhiên, cũng nhờ có những hiệp định này mà các đối tác nước ngoài có quyền tiếp cận ưu đãi đối với thị trường Việt Nam và điều này có nghĩa rằng các doanh nghiệp, nhà sản xuất Việt Nam phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt hơn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập, tổng hợp số liệu

Tác giả tiến hành thu thập số liệu về nguồn vốn FDI vào Việt Nam từ Niên giám thống kê Việt Nam và Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch & Đầu tư trong giai đoạn 2008 - 2017. Ngoài ra, tác giả còn tham khảo số liệu về FDI trong một số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Trên cơ sở đó, tác giả tổng hợp số liệu cần thiết phục vụ quá trình nghiên cứu.

2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Sau khi thu thập và tổng hợp được số liệu nghiên cứu, tác giả tiến hành phân tích số liệu bằng các phương pháp đồ thị, phương pháp so sánh và bảng thống kê. Ngoài ra tác giả còn ứng dụng phần mềm tin học Microsoft Excel và các công cụ máy tính để xử lý dữ liệu.

2.3. Phương pháp phân tích SWOT

Qua phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trong những năm gần đây, tác giả sử dụng phương pháp phân tích SWOT để chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng FDI tại Việt Nam

Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể về thu hút nguồn vốn FDI trong khoảng 10 năm trở lại đây. Theo thống kê của cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho thấy,

giai đoạn 2008-2017 đã có 16.208 dự án FDI được cấp phép đăng ký đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký 274.303 triệu USD. Trong đó, số vốn thực hiện là 125.760 triệu USD chiếm 45,85% số vốn đăng ký.

Bảng 1. Số liệu FDI tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2017

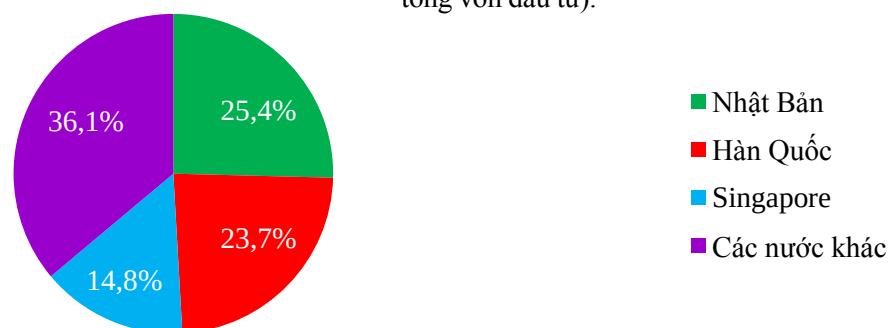
Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Vốn thực hiện (triệu USD)	Vốn thực hiện/Vốn đăng ký (%)	Quy mô bình quân 1 dự án (triệu USD)
2008	1.171	71.700	11.500	16,04	61,23
2009	839	23.100	10.000	43,29	27,53
2010	1.240	19.764	11.000	55,66	15,94
2011	1.191	15.618	11.000	70,43	13,11
2012	1.287	16.348	10.460	63,98	12,70
2013	1.530	22.352	11.500	51,45	14,61
2014	1.843	21.922	12.500	57,02	11,89
2015	2.013	22.757	14.500	63,72	11,31
2016	2.503	24.858	15.800	63,56	9,93
2017	2.591	35.884	17.500	48,77	13,85
Tổng số	16.208	274.303	125.760	45,85	16,92

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2008-2017

Trong giai đoạn 2008-2017 quy mô bình quân 1 dự án có xu hướng giảm đi. Nếu như năm 2008 quy mô bình quân 1 dự án đạt 61,23 triệu USD nhưng vốn thực hiện chỉ đạt 16,04% vốn đăng ký thì đến năm 2017 quy mô bình quân 1 dự án giảm xuống còn 13,85 triệu USD nhưng vốn thực hiện tăng lên 48,77% vốn đăng ký. Như vậy, chúng ta thấy rằng 10 năm trở lại đây mặc dù quy mô bình quân 1 dự án giảm nhưng tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký có xu hướng tăng lên rất nhiều.

Nguyên nhân là do trước đây FDI chỉ chú trọng đầu tư vào các ngành trọng điểm, vốn lớn như công nghiệp chế biến, chế tạo hay bất động sản nên việc giải ngân gặp nhiều khó khăn.

Về đối tác đầu tư, tính đến hết năm 2017 có 125 quốc gia và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất với tổng vốn đăng ký lên đến 57,66 tỷ USD (chiếm 18,1% tổng vốn đầu tư); đứng thứ 2 là Nhật Bản với tổng vốn đăng ký 49,46 tỷ USD (chiếm 15,5% tổng vốn đầu tư).



Biểu đồ 1. Tình hình đầu tư trực tiếp vào Việt Nam theo đối tác năm 2017

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư năm 2017

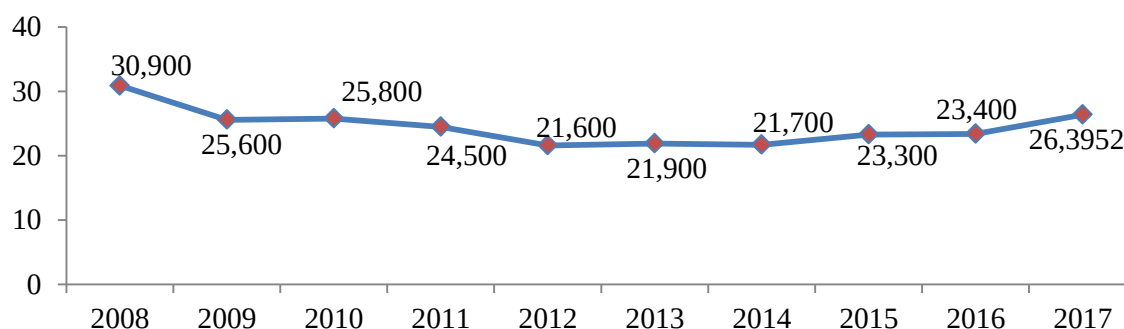
Riêng trong năm 2017 đã có 115 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Nhật Bản dẫn đầu với tổng vốn đầu tư (đăng ký cấp mới, vốn tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần) là 9,11 tỷ USD, chiếm 25,4% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Hàn Quốc đứng vị trí thứ hai với tổng

vốn đầu tư (đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần) là 8,49 tỷ USD, chiếm 23,7% tổng vốn đầu tư; Singapore đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư (đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần) là 5,3 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư.

3.2. Những đóng góp của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam

FDI góp phần tăng trưởng nền kinh tế đất nước: FDI là nguồn vốn bổ sung đáng kể vào tổng đầu tư xã hội. FDI đã có đóng góp quan trọng vào GDP với tỷ trọng ngày càng cao. Nếu như giai đoạn 1998-2007, vốn FDI trung bình hàng năm chiếm tỷ trọng 17,7% vốn đầu tư toàn xã hội thì giai đoạn 2008-2017 con số này lên đến 24,5%. Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI

trong GDP năm sau cao hơn năm trước. Năm 1992 tỷ lệ này là 2% thì đến năm 2005 đạt 14,9% và năm 2017 tăng lên là 26,4%. Khu vực kinh tế FDI đóng góp vào nguồn thu ngân sách với giá trị ngày càng tăng. Giai đoạn 1994 - 2000 là 1,8 tỷ USD, tăng lên 14,2 tỷ USD trong giai đoạn 2001 - 2010 và 23,7 tỷ USD trong giai đoạn 2011 - 2015 (Nguyễn Tấn Vinh, 2017). Điều này khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của khu vực FDI trong nền kinh tế quốc dân.

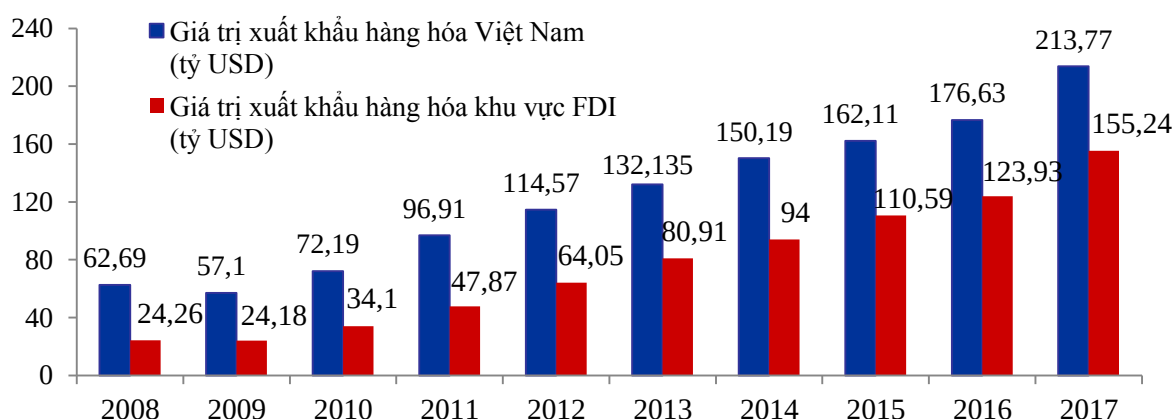


Biểu đồ 2. FDI đóng góp vào tổng đầu tư xã hội giai đoạn 2008-2017 (%)

Nguồn: Niên giám thống kê giai đoạn 2008-2017

FDI nâng cao giá trị xuất khẩu: Trong giai đoạn 2008-2017, cùng với tốc độ tăng trưởng trong tổng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam có sự đóng góp rất lớn từ các doanh nghiệp khu vực FDI, trung bình hàng năm khu vực FDI đóng góp 56,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả

nước. Nếu như năm 2008 giá trị xuất khẩu hàng hóa khu vực FDI chỉ đạt 24,26 tỷ USD chiếm 38,7% kim ngạch xuất khẩu của cả nước thì đến năm 2017 giá trị xuất khẩu hàng hóa khu vực FDI đạt tới 155,24 tỷ USD chiếm 72,6% kim ngạch xuất khẩu của cả nước.



Biểu đồ 3. Khu vực FDI đóng góp trong kim ngạch xuất khẩu (%)

Nguồn: Tổng cục Hải quan giai đoạn 2008-2017

FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa:

FDI tác động đến cơ cấu kinh tế được thể hiện chủ yếu thông qua cơ cấu vốn đầu tư. Cơ cấu vốn đầu tư theo lĩnh vực của nước ta có sự chuyển dịch ngày càng phù hợp với xu thế công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Hiện nay,

nguồn vốn FDI chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp (64,3%) và dịch vụ (30,5%) (Tổng cục Thống kê, 2016). FDI là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển nhiều ngành công nghiệp và sản phẩm mới, tạo ra trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp, làm tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế quốc dân nhờ có cơ cấu kinh tế tiến bộ hơn.

Ngoài ra, FDI còn góp phần tạo việc làm, giúp các doanh nghiệp trong nước học hỏi được kinh nghiệm quản lý,...

3.3. Một số tồn tại

- Sự mất cân đối trong đầu tư tại Việt Nam, còn ít đối tác tiềm năng đến từ các nước như: Đức, Pháp, Thụy Sĩ, Mỹ, Canada, Nga... mà chủ yếu đến từ châu Á như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Trung Quốc... (Phan Hữu Thắng, 2016).

- Số dự án đầu tư theo hình thức 100% vốn nước ngoài là chủ yếu chiếm tới trên 86% số dự án đầu tư.

- FDI chưa giúp Việt Nam có những bước tiến sâu về công nghệ. Trên 80% doanh nghiệp có vốn FDI sử dụng công nghệ trung bình của thế giới, chỉ có 5% - 6% sử dụng công nghệ cao (Cục Đầu tư nước ngoài, 2017).

- Các dự án FDI chủ yếu tập trung vào lắp ráp, giá trị gia tăng thấp; còn quá ít dự án về kết cấu hạ tầng; tỷ trọng dự án trong nông - lâm - ngư nghiệp rất thấp và ngày càng giảm dần trong khi đây là những ngành Việt Nam có thế mạnh (Nguyễn Minh Hạnh & cs, 2013).

- Hiện tượng ô nhiễm môi trường do một số doanh nghiệp FDI từ Châu Á như Trung Quốc, Đài Loan,... sử dụng công nghệ kỹ thuật lạc hậu.

- Sự mất cân đối trong sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền nước ta do các dự án FDI hiện chỉ tập trung nhiều tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi về hạ tầng, nguồn nhân lực, thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Hiện tượng trốn thuế của các doanh nghiệp FDI còn diễn biến phức tạp;

- Thủ tục hành chính gây nhiều khó khăn cho các nhà đầu tư nước ngoài;

- Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, đã qua đào tạo...

3.4. Cơ hội mở ra

Việc tự do hóa đầu tư, đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư nước ngoài giúp cho Việt Nam có cơ hội thu hút nhiều FDI hơn từ các nước thành viên ASEAN và trên thế giới. Tự do hóa đầu tư còn là một bước để biến ASEAN trở thành một khu vực sản xuất thống nhất. Trong các nước ASEAN, Việt Nam là quốc gia được các nhà đầu tư nước ngoài tương đối quan tâm. Tỷ lệ FDI vào Việt Nam trong tổng FDI vào ASEAN được cải thiện rõ rệt trong thời gian gần đây và chỉ đứng sau Malaysia và Thái Lan (FDI vào Việt Nam chiếm 9,2%, Malaysia 9,5%, Thái Lan 10,2% trong giai đoạn 2008-2013). Tính theo chỉ số hiệu quả FDI tiếp nhận, thì Việt Nam là nước có mức độ hấp dẫn FDI tương đối cao (3,7), chỉ xếp

sau Singapore (7,9) và cao hơn mức trung bình của ASEAN (1,7). Vì vậy, Việt Nam có cơ hội nhận nhiều FDI hơn khi luồng vốn FDI vào ASEAN có xu hướng tăng lên. Hiện nay, các công ty đa quốc gia đã có mặt tại Việt Nam. Những công ty này đang mở rộng và tìm kiếm cơ hội từ việc hội nhập ngày càng sâu vào thị trường Việt Nam. Các thương hiệu hàng đầu thế giới trong nhiều lĩnh vực khác nhau đã và đang đầu tư vào Việt Nam như Toyota, Honda, Samsung, Sony, IBM, Coca cola, KFC, MacDonal's, Uniliver,... Những hãng điện tử lớn như Samsung, Sony, Nokia, LG,... đã xây dựng nhiều nhà máy trải khắp các tỉnh thành trên đất nước Việt Nam. Việc đầu tư trở nên thuận lợi hơn, tự do hơn sẽ thúc đẩy các công ty đa quốc gia đầu tư nhiều hơn nữa vào Việt Nam, đặc biệt là các ngành hàng tiêu dùng, may mặc, ô tô và các ngành công nghiệp điện tử.

Các hiệp định thương mại tự do với mục tiêu xóa bỏ phần lớn hàng rào thuế quan là cơ hội giúp hàng hóa xuất khẩu Việt Nam tăng sức cạnh tranh về giá với các nước trong khu vực và trên thế giới. Các doanh nghiệp Việt Nam có một môi trường kinh doanh cạnh tranh hơn và được tiếp cận với công nghệ kỹ thuật hiện đại, nguồn nguyên liệu phong phú hơn, giá rẻ hơn. Người tiêu dùng cũng được sử dụng hàng hóa và dịch vụ rẻ hơn nhưng chất lượng tốt hơn.

Việc mở cửa thu hút đầu tư thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giúp Việt Nam có lợi thế trong các lĩnh vực như dệt may, giày dép, điện tử, hàng tiêu dùng, công nghệ thông tin, du lịch, ... do vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn lao động dồi dào giá rẻ,...

Tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng tiếp sức cho Việt Nam có thêm động lực cải cách thể chế hành chính, chính sách pháp luật về kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, là bàn đạp tốt giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam năng động, sáng tạo và trưởng thành hơn.

3.5. Một số thách thức

Bên cạnh những cơ hội mở ra thì Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít thách thức. Phần lớn nguồn vốn FDI đầu tư vào Việt Nam tập trung ở lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với trình độ kỹ thuật trung bình và thấp. Lợi thế về nguồn lao động dồi dào, giá rẻ dần mất đi, nhu cầu về nguồn lao động chất lượng cao trở nên phổ biến hơn (Nguyễn Minh Phương, 2014). Liệu Việt Nam có thể cạnh tranh với các nước ASEAN về yếu tố lao động trong tương lai hay

không? Theo đánh giá của Tổ chức lao động quốc tế ILO năm 2016, năng suất lao động của Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất châu Á chỉ với khoảng dưới 20% lực lượng lao động được đào tạo chuyên môn và có đủ khả năng đáp ứng đòi hỏi của thị trường. So với các nước trong khu vực, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 1/5 Malaysia, 2/5 Thái Lan và 1/15 Singapore. Theo xếp hạng của Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu được diễn đàn kinh tế thế giới WEF năm 2017 công bố: Việt Nam xếp thứ 55/137 quốc gia được xếp hạng, sau các nước Singapore, Malaysia, Thái Lan và Indonesia.

Việc xóa bỏ phần lớn hàng rào thuế quan nhưng hàng rào về kỹ thuật và hệ thống vệ sinh, kiểm dịch động thực vật khắt khe, tốn kém,... thì nguy cơ hàng hóa Việt Nam bị trả lại do không đáp ứng được những yêu cầu đó có thể trở thành rào cản khiến hàng hóa Việt Nam khó có thể vào thị trường các nước đối tác đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp lâu nay vẫn là lợi thế của Việt Nam.

Sản xuất trong nước không còn được nhà nước bảo hộ mậu dịch như trước nữa, phải thích nghi với môi trường kinh doanh cạnh tranh hơn cùng với sự đổi mới về thể chế hành chính, chính sách pháp luật mới về kinh doanh vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước. Các doanh nghiệp Việt Nam muốn tồn tại và phát triển cần phải năng động, sáng tạo, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp FDI để học hỏi kinh nghiệm quản lý, tiếp cận với khoa học công nghệ cao, bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

3.6. Giải pháp thu hút FDI vào Việt Nam

Tăng cường thu hút FDI từ các nước phát triển, như: Mỹ, châu Âu, Nhật Bản... là yếu tố quan trọng để tiếp cận được công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Khuyến khích, tăng cường đầu tư theo hình thức thành lập công ty liên doanh (hoặc công ty cổ phần). Con đường tiếp thu công nghệ cao thông qua đầu tư, sản xuất - kinh doanh trực tiếp của các doanh nghiệp Việt Nam trong các công ty liên doanh, các công ty cổ phần là con đường ngắn hơn, ít chi phí hơn so với các con đường khác.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài: Có chính sách ưu tiên thu hút các dự án FDI có công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong nước. Tập trung thu hút FDI vào các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức cao, phát triển kết cấu hạ tầng. Mở rộng địa bàn đầu tư trực tiếp nước ngoài để tạo nên sự cân đối trong phát triển kinh tế - xã

hội giữa các vùng miền. Kiểm soát chặt chẽ tiến độ giải ngân của các dự án FDI. Quy định các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các dự án FDI sử dụng lãng phí năng lượng, sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường; chèn ép các doanh nghiệp trong nước, trốn thuế,...

Đơn giản hóa thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính về xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian cấp giấy phép, giảm chi phí xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng hóa.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên môn hóa, năng suất lao động cao, đáp ứng được yêu cầu thị trường trong thời kỳ hội nhập thay thế cho nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ lâu nay. Chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò hết sức quan trọng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật phù hợp với cam kết trong các hiệp định thương mại tự do và tương đương với tiêu chuẩn quốc tế để kiểm soát chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu: Để đảm bảo thể mạnh xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam, giúp hàng nông sản Việt Nam dễ dàng tiếp cận với thị trường các nước đối tác, cần phải có những quy định nghiêm ngặt về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, dư lượng kháng sinh đối với các mặt hàng nông sản. Việt Nam cần áp dụng những chế tài xử phạt nghiêm khắc hơn đối với những nhà sản xuất cung cấp các mặt hàng nông sản bị các thị trường các nước đối tác trả lại vì không đáp ứng những yêu cầu về vấn đề này.

4. Kết luận

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế trong đó có sự đóng góp quan trọng của FDI, đặc biệt là từ khi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với sự tham gia của Việt Nam có hiệu lực. Tự do hóa đầu tư mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội như: thu hút nhiều FDI hơn từ các nước thành viên ASEAN và trên thế giới; đẩy mạnh xuất khẩu; giúp Việt Nam có lợi thế trong các lĩnh vực như dệt may, giày dép, điện tử, hàng tiêu dùng, du lịch, ...; cải cách thể chế hành chính, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng; giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận với công nghệ kỹ thuật hiện đại, nguồn nguyên liệu phong phú hơn, giá rẻ; người tiêu dùng được sử dụng hàng hóa và dịch vụ rẻ hơn nhưng chất lượng tốt hơn,... Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít thách thức: Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao đã qua đào tạo đáp ứng

nhu cầu thị trường quốc tế; năng suất lao động thấp làm giảm năng lực cạnh tranh; nguy cơ hàng hóa bị trả lại do không vượt qua rào cản kỹ thuật, vệ sinh, kiểm dịch động thực vật khắt khe của các nước đối tác; sản xuất trong nước phải thích nghi môi trường kinh doanh cạnh tranh hơn cùng với sự đổi mới về thể chế hành chính;.... Vì vậy, để có thể phát huy tối đa các cơ hội và vượt qua những thách thức, tạo đà cho nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, hội nhập ngày càng sâu rộng trong bối cảnh mới, Việt Nam cần áp dụng hiệu quả một số giải pháp như:

Thu hút FDI từ các nước phát triển; khuyến khích, tăng cường đầu tư theo hình thức thành lập công ty liên doanh; hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài; đơn giản hóa thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính về xuất nhập khẩu; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật phù hợp với cam kết trong các FTA và tương đương với tiêu chuẩn quốc tế để kiểm soát chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu ...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chỉ thị số 38/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ về tăng cường thực hiện và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực. (19/10/2017)
- [2]. Cục Đầu tư nước ngoài. (2008-2017). *Tình hình thu hút Đầu tư nước ngoài giai đoạn 2008 - 2017*. Truy cập ngày 25/01/2017. Từ <http://fia.mpi.gov.vn>
- [3]. Nguyễn Minh Hạnh, Phạm Mai Ngọc. (10/10/2013). *Để nguồn vốn FDI đóng góp nhiều hơn cho phát triển nền kinh tế*. Truy cập ngày 25/10/2017. Từ <http://tapchicongsan.org.vn /Home/kinh-te/2013/23993/>.
- [4]. Nguyễn Minh Phương. (2014). Tự do hóa đầu tư trong cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và sự tham gia của Việt Nam, *Hội thảo quốc tế AEC - lần thứ 3*. Hà Nội, ngày 28/10/2014.
- [5]. Quốc hội. (2017). *Luật đầu tư 2017*.
- [6]. Tổng cục Hải quan. (2008-2017). *Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và 12 tháng*. <https://www.customs.gov.vn>
- [7]. Tổng cục Thống kê. (1998-2017). *Niên giám thống kê giai đoạn 2008 - 2017*. Truy cập ngày 28/01/2017. Từ <http://www.gso.gov.vn>
- [8]. Tổng cục Thống kê. (2016). *Hiệu quả của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2005-2014*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- [9]. Phan Hữu Thắng. (01/04/2016). *Cơ hội và thách thức mới trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài*. Truy cập ngày 31/10/2017. Từ <http://http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/79266/>.
- [10]. Nguyễn Tấn Vinh. (31/01/2017). *Nhìn lại giá trị của FDI ở Việt Nam sau gần 30 năm*. Truy cập ngày 28/10/2017. Từ <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/92-7662/>.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Đơn vị công tác: Khoa HTTT Kinh tế - Trường ĐH CNTT&TT TN
- Địa chỉ email: thanhthuytcntt@gmail.com

2. Đỗ Năng Thắng

- Đơn vị công tác: Khoa HTTT Kinh tế - Trường ĐH CNTT&TT TN

Ngày nhận bài: 27/02/2018

Ngày nhận bản sửa: 28/3/2018

Ngày duyệt đăng: 30/03/2018

Journal of Economics and Business Administration - TUEBA

ISSN: 2525 – 2569

No. 5, 2018

TABLE OF CONTENTS

Nguyen Quang Binh - Impact of industrial revolution 4,0 in Viet Nam – Proof for the thesis “Science becomes the direct force of production” by Karl Marx	2
Nguyen Thi Thanh Thuy, Do Nang Thang - Attracting FDI into Viet Nam: Opportunities and challenges.....	7
Bui Thi Thanh Tam, Ha Quang Trung, Do Xuan Luan - Solutions for sustainable poverty reduction based on the multidimensional approach in Thai Nguyen province	13
Nguyen Quang Binh - Measures for management of tax collection for the businesses on social networks in Viet Nam	19
Dương Thị Huyền Trang, Lê Thị Thanh Thuong - The allocation of time among women and men: a case study in Thai Nguyen province	24
Luong Tinh, Doan Gia Dung - Determinants of farmers’ decision on applying new technology in production: Overview	29
Nguyen Tien Long, Nguyen Chi Dung - Role of FDI sector in increasing labor productivity in Viet Nam.....	34
Nguyen Quang Hop, Do Thuy Ninh, Duong Mai Lien - Enhancing the quality of public service in the management unit of Thai Nguyen's industrial zones	42
Ngo Thi My, Tran Van Dung - Analyzing the exportation of Vietnam to ASEAN market	49
Duong Hoai An, Tran Thi Lan, Tran Viet Dung, Nguyen Đức Thu - Impacts of capital investment on tea production in Lai Chau province, Viet Nam	54
Pham Van Hanh, Dam Van Khanh - The effects of customers’ attitude and behavior on employees’ emotions at service firms in Thai Nguyen city	59
Nguyen Thanh Minh, Nguyen Van Thong, Lê Văn Vinh - The management of customer service in VNPT Quang Ninh province	63
Do Thi Hoang Yen, Pham Van Hanh - Factors affecting the franchising in Thai Nguyen province....	69
Nguyen Thi Phuong Hao, Hoang Thi Hong Nhung, Tran Van Dung - Loan guarantee with property at BIDV - Thai Nguyen province branch.....	74
Nguyen Viet Dung - The impacts of capital structure to financial risks of listed cement companies in Viet Nam.....	82
Tran Thi Nhung - Completing the system of accounting reports in tea production and processing enterprises in Thai Nguyen province.....	88
Ngo Thi Huong Giang, Pham Tuan Anh - The quality of credit services for production households of Agribank - Dong Hy district branch	94